2. bản chất gttd

a.

b. tỉ suất gt thặng dư (m’)

là tỉ lệ % giữa gt thặng dư và tư bản khả biến để sx ra gttd đó

công thức tính tỉ suất gttd: m’ = (m/v) x 100%

= (T thặng dư/ T tất yếu) x 100%

* m’ phản ánh trình độ khai thác người làm thuê ( m’ càng cao thì chứng tỏ khai thác càng tốt)

c. khối lượng gttd (M)

M = m’.V với m’ là tỉ suất gttd

V: tổng v (tổng tiền lương của doanh nghiệp)

* doanh nghiệp quy mô càng lớn - > V càng lớn -> M càng lớn
* qua M -> phản ánh quy mô gttd mà người chủ thu được.

3. các phương pháp sx gttd

a. pp sx gttd tuyệt đối

- bằng cách tăng giờ làm cho công nhân (làm thêm giờ) -> tăng T thặng dư, giữ nguyên T tất yếu -> m’ tăng %

= tăng tgian lđ, tăng cường độ lđ

* có giới hạn: sức khỏe, tinh thần người lđ

b. pp sx gttd tương đối

- bằng cách rút ngắn T tất yếu (tăng T thặng dư) trong khi độ dài ngày lđ k đổi or thậm chí rút ngắn

-> rút ngắn T tất yếu = tăng năng suất lđ (tăng trình độ ng lđ, đưa máy móc, kh-kt vào sx)

c. gttd siêu ngạch

- việc cải tiến kĩ thuật, tăng năng suất lđ ban đầu thường diễn ra ở các xí nghiệp cá biệt

-> gttd siêu ngạch là gttd thu được ngoài mức trung bình của xh

-> biện pháp: tăng năng suất lđ cá biệt (tạo ra sp đặc quyền - > bán bản quyền, thu lợi nhuận)

II. tích lũy tư bản

1. bản chất của tích lũy tư bản

* tái sx: quá trình sx liên tục được lặp đi lặp lại không ngừng

+ tái sx giản đơn: là qtr sx lặp lại với quy mô như cũ

+ tái sx mở rộng: qtr sx lặp lại với quy mô lớn hơn

* thực chất của tích lũy tư bản là chuyển hóa 1 phần gttd thành tư bản phụ thêm, để mở rộng sx.

1. Những nhân tố ảnh hưởng quy mô tích lũy
2. Hệ quả của tích lũy

III. các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện of gttd

1. Lợi nhuận
2. Chi phí sx

* Là số tiền nhà tư bản bỏ ra để sx hàng hóa (k) : mua tư liệu sx ( c ) , và mua sức lđ (v)

K = c+ v

Giá trị hàng hóa thành phẩm: W = c+v+m

* W = K + m
* m = W – K

ở góc độ ng lđ: W = c+(v+m)

ở góc độ nhà tư bản : W = K + m = (c+v) + m

* m ở góc độ nhà tư bản đgl lợi nhuận (P)

=🡺 lợi nhuận là gttd được tạo ra khi đc quan niệm là do K tạo ra (c+v tạo ra)

* lợi nhuận và gttd không phải lúc nào cũng bằng nhau, có thể >,<,= ( chênh lệch về lượng)

trong xh ( dài hạn): tổng P = tổng m -> do xh có thể tự điều chỉnh cung cầu

1. bản chất lợi nhuận

về chất: gttd ( m ) giống lợi nhuận ( P )

về lượng: P và m có thể khác nhau 🡺 P=m, P>m. P<m

1. tỉ suất lợi nhuận (p’)

là tỉ lệ % giữa lợi nhuận và tư bản ứng trước (c+v)

p’ = (p\*100%) / (c+v)

* p’ phản ánh mức độ hiệu quả kinh doanh, p’ càng cao -> hiệu quả đầu tư càng cao
* nhân tố ảnh hưởng p’:

+ tỉ suất gttd (m’) -> tỉ lệ thuận

+ cấu tao hữu cơ của tư bản -> tỉ lệ nghịch

+ tốc độ chu chuyển ->

+

d) lợi nhuận bình quân

- là mức lợi nhuận bằng nhau khi các nhà đầu tư 1 luợng tư bản = nhau vào những ngành khác nhau

-

e) lợi nhuận thương nghiệp

nhà tư bản công nghiệp bán hàng hóa cho nhà tb thương nghiệp với giá < giá trị hàng hóa, để khi nhà tb thg nghiệp chỉ cần bán cho xh hàng hóa có giá = giá trị (hay giá > chi phí sx)

* nhà tb công nghiêp đã chuyển phần lợi nhuận thương nghiệp sang cho nhà tb thương nghiệp

1. lợi tức
2. địa tô và tb chủ nghĩa

chương 4: cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường

1. cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường
   1. độc quyền, độc quyền nhà nước, tác động của độc quyền
2. nguyên nhân hình thành độc quyền, độc quyền nhà nước

* tự do cạnh tranh: tk 16
* độc quyền: cuối tk 19
* độc quyền: là sự liên minh giữa các doanh nghiệp lớn, nắm phần lớn việc sx và tiêu thụ hàng hóa, có khả năng định giá cả độc quyền và lợi nhuận độc quyền
* nguyên nhân hthanh độc quyền:

+ phát triển lực lg sx, thành tựu khoa học kỹ thuật: điện, động cơ diesel.

* m tăng -> tạo đk tích tụ và tập trung sx -> xí nghiệp quy mô sx lớn

+ cạnh tranh TBCN mạnh mẽ => các xí nghiệp vừa, nhỏ hợp nhất or bị thôn tính => xí nghiệp có quy mô lớn

+ khủng hoảng kte 1873 => phá sản xí nghiệp nhỏ đẩy mạnh hợp nhất -> hthanh xí nghiệp lớn

+ hệ thống tín dụng => thúc đẩy hthanh doanh nghiệp có quy mô lớn

* tất cả đều đến 1 kqua là hình thành các xí nghiệp lớn
* cạnh tranh gay gắt hơn, thiệt hại lớn hơn -> thỏa hiệp, thoát khỏi cạnh tranh => ít xí nghiệp lớn, dễ thỏa hiệp
* hình thành liên minh doanh nghiệp lớn -> độc quyền trong kte
* độc quyền nhà nước – nguyên nhân và bản chất của độc quyền nhà nước
* độc q nhà nc:

+ là sự kết hợp sức mạnh của các tổ chức độc quyền tư nhân với sức mạnh của nhà nước tư sản thành 1 thiết chế thống nhất nhằm phục vụ lợi ích của các tổ chức độc quyền.

* nguyên nhân hình thành độc quyền nhà nước:

+ sự mâu thuẫn giữa trình độ xh hóa cao của llsx và qhsx tbcn -> sự điều tiết của nn đối với kte

+ kh-cn, phân công lđ xh phát triển -> nhiều ngành nghề mới ra đời, tư nhân không muốn or không thể làm => đòi hỏi nn tham gia hđ kte

+ phong trào CM tgioi phát triển mạnh -> nn có biện pháp tích cực để cứu vãn

+ xu hướng quốc tế hóa

Chương 5: kt thị trường định hướng xhcn

1. kt thị trường định hướng xhcn ở vn

* là nền kt vận hành theo các quy luật của thị trường, đồng thời góp phần hướng tới từng bước xác lập 1 xh mà ở đó dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Có sự điều tiết của nhà nước do Đcsvn lãnh đạo

1. tính tất yếu khách quan của việc phát triển kt thị trường định hướng xhcn ở vn

* phù hợp với xu hương phát triển khách quan
* do tính ưu việt của kttt thúc đẩy phát triển
* mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh => phù hợp với nguyện vọng của nhân dân

1. Đặc trưng của kttt định hương xhcn ở vn

II. hoàn thiện thể chế kttt định hướng xhcn

1. Khái niệm và sự cần thiết hoàn thiện thể chế

* Kn:

+ thể chế: là những quy tắc, luật pháp, bộ máy quản lí, cơ chế vận hành -> điều chỉnh hoạt động của con người

+ thể chế kttt: là những quy tắc, luật pháp, bộ máy quản lí, cơ chế vận hành -> điều chỉnh hành vi và các quan hệ lợi ích kt

+ thể chế kttt định hướng xhcn: là những quy tắc, luật pháp, bộ máy quản lí, cơ chế vận hành -> điều chỉnh hành vi và các qh lợi ích kt -> mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

1. Nd hoàn thiện thể chế

III. các qh lợi ích kt ở vn

1. Lợi ích kt và qh lợi ích kt
2. Vai trò của nn trong vc đảm bảo hài hòa các qh lợi ích kt